

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH AN GIANG

Bán án số: 75/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17/8/2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật

Bà Lê Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1984

Địa chỉ: 475A/24 đường Phan Bội Châu, khóm Bình Thới 2, phường Bình K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

Bị đơn: Anh Đặng Kim T, sinh năm 1975

Địa chỉ: 43/3, đường Phan Bội Châu, khóm Bình Thới 2, phường Bình K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đặng Kim T do quen biết nhau trước đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2001 hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình K, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 27/12/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống với nhau mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không khắc phục được và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị M yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung chưa trưởng thành tên Đặng Chí H, sinh ngày 18/5/2003 và Đặng Chí B, sinh ngày 21/4/2011. Hiện đang sống với chị M, khi ly hôn chị M xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Kim T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 23/5/2018 và Biên bản hòa giải ngày 05/7/201, anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian sống ly thân của vợ chồng. Trong cuộc sống vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng chủ yếu là về kinh tế gia đình và anh có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng trong thời gian ly thân nhưng chị M không đồng ý. Nay qua yêu cầu ly hôn của chị M thì anh không đồng ý ly hôn, vì nhận thấy mâu thuẫn không trầm trọng, anh muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau lo cho các con.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung chưa trưởng thành tên Đặng Chí H, sinh ngày 18/5/2003 và Đặng Chí B, sinh ngày 21/4/2011. Hiện đang sống với chị M. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị M được nuôi hai con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Trần Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Đặng Kim T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn chị M xin ly hôn với anh T, do anh T không quan tâm đến gia đình vợ con và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn vì nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không trầm trọng, anh muốn hàn gắn tình cảm với chị M. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình 2014, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ quy định tại Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014 đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M. Về con chung: Hiện các con đang sống chung với chị M, do đó để tạo điều kiện cho con chung được ổn định việc học hành nên đề nghị giao cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị M không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị M và anh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Anh Đặng Kim T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Bình K, thành phố Long Xuyên nên chị Trần Thị M khởi kiện xin ly hôn với anh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Đặng Kim T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Kim T.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị M với anh Đặng Kim T là hôn nhân tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình K, thành phố Long Xuyên vào ngày 27/12/2002 là phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên được công nhận. Trong quá trình chung sống, chị M cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ 9/2016 cho đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Anh Đặng Kim T cho rằng trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chủ yếu là về kinh tế gia đình, thời gian vợ chồng sống ly thân anh đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị M không chấp nhận. Nay Qua yêu cầu ly hôn của chị M anh không đồng ý, vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng anh muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau lo cho các con. Sau khi xem xét xem xét ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng anh chị có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, thể hiện qua việc vợ chồng có thời gian sống ly thân từ 9/2016 cho đến nay là thời gian tương đối dài, đủ để cho anh chị có thể hàn gắn tình cảm với nhau mặc dù anh T nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng chị M không đồng ý và hiện tại vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều này thể hiện cả hai không có sự đồng cảm với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của cả hai. Do đó, việc chị M xin ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung chưa trưởng thành tên Đặng Chí H, sinh ngày 18/5/2003 và Đặng Chí B, sinh ngày 21/4/2011. Các con đều trên bảy tuổi và có nguyện vọng được sống với chị M. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Yêu cầu này của chị M cũng được anh T chấp nhận thể hiện qua bản tự khai ngày 23/5/2018 và biên bản hòa giải ngày 05/7/2018 anh đồng ý để chị M được nuôi dưỡng hai con chung, đây là sự tự thỏa thuận của các anh chị phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Chị M, cùng các thành viên gia đình chị M không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M không yêu cầu nên Tòa án không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M và anh Đặng Kim T được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Đặng Kim T.

[2] Về con chung: Giao hai con chung Đặng Chí H, sinh ngày 18/5/2003 và Đặng Chí B, sinh ngày 21/4/2011 cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0005033 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đặng Kim T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Thạnh;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền